

CÔNG TY CP NHỰA BAO BÌ VINH  
VBC

BIÊN BẢN GIẢI TRÌNH

V/v: Giám LNST quý 3/2023 tăng trên 10%

KÍNH GỬI: Ủy ban chứng khoán nhà nước

Sở giao dịch chứng khoán Hà nội

Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh xin giải trình về việc Lợi nhuận sau thuế Quý 3 của năm này tăng 18% so với quý 3 năm 2022 như sau:

CHỈ TIÊU	Quý I		Tỷ lệ tăng, giảm	Yếu tố giảm hiệu quả	Yếu tố tăng hiệu quả
	Năm này	Năm trước			
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	212,333,915,752	219,206,745,550	96.86	- 6,872,829,798	279,727,240
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		279,727,240			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	212,333,915,752	218,927,018,310	96.99		7,698,752,466
4. Giá vốn hàng bán	191,013,170,139	198,711,922,605	96.13		1,105,649,908
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21,320,745,613	20,215,095,705			
6. Doanh thu hoạt động tài chính	616,774,896	1,899,404,522		- 1,282,629,626	
7. Chi phí tài chính	2,591,542,475	2,994,143,780	86.55		402,601,305
- Trong đó: Chi phí lãi vay	2,279,801,113	2,873,206,684	79.35		
8. Chi phí bán hàng	5,578,305,126	6,870,911,289	81.19		1,292,606,163
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	4,364,713,439	4,255,946,395	102.56	- 1,292,606,163	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	9,402,959,469	7,993,498,763	117.63		
11. Thu nhập khác	35,555,241				35,555,241
12. Chi phí khác	127,832,123	84,380,488	151.49	- 43,451,635	
13. Lợi nhuận khác(40=31-32)	(92,276,882)	(84,380,488)			
14. Phần lãi lỗ trong công ty liên kết, liên doanh					
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9,310,682,587	7,909,118,275	117.72		
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	1,896,095,858	1,608,504,373	117.88	- 287,591,485	
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại					
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7,414,586,729	6,300,613,902	117.68	(9,779,108,707)	10,814,892,323
Cộng					1,035,783,616
Chênh lệch					

Như vậy, LNST quý 3 năm nay tăng chủ yếu do tiết giảm, quản lý hiệu tốt chi phí, mặc dù doanh thu đạt 96,86% so với quý 3 năm 2022.

Vinh, ngày 10 tháng 1 năm 2023

GIÁM ĐỐC CÔNG TY



Nguyễn Xuân Thọ